TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	----------

Bản án số: **04**/2020/KDTM-ST
Ngày: 20/7/2020
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phạm Hoàng Nam**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Đoàn Xuân Miễn**
Bà Nguyễn Thị Xuân Phương

- ***Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Lan Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thùy Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 37/2020/TLST-KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ***Ngân hàng TMCP Đ C VN (Ngân hàng Đ C)***

Trụ sở: số 22 Ng Qu, quận H K, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân Th – Giám đốc Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản của Ngân hàng. Người được ủy quyền lại: Bà Phạm Thị Ng, ông Lê Xuân Tr, ông Đỗ Văn V – Cán bộ Ngân hàng (Theo Giấy ủy quyền số 9531/UQ-PVB ngày 26/5/2020). Bà Phạm Thị Ng có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: ***Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Nh A (Công ty Nh A)***

Trụ sở: 189 phố Th Nh, phường Q L, quận H B Tr, thành phố Hà Nội. Người

đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Đ – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Bích Ng – Phó Giám đốc công ty (theo Giấy ủy quyền số 01/UQ-PVB ngày 01/6/2020). Bà Nguyễn Thị Bích Ng có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện ngày 03/01/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2013, Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Nh A vay một khoản tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phương Tây (nay là Ngân hàng TMCP Đ C VN) thông qua Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1208/2013/HĐTD-DN.HN ngày 12/8/2013 và Khế ước nhận nợ ngày 19/8/2013. Công ty Nh A đã được Ngân hàng giải ngân số tiền vay là 900.000.000 đồng, thời hạn vay: 09 tháng. Mục đích vay vốn là: Vay bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là nhà và đất tại thửa đất số 24, tờ bản đố số 34, địa chỉ: Tổ 11 phường Th L, quận H M, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Tạ Hồng D và bà Nguyễn Thị Bích Ng.

Do công ty Nh A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên khoản vay đã chuyển thành quá hạn. Đến tháng 3/2017, các bên gồm: Ngân hàng, công ty Nh A và Bên thế chấp là ông Dương bà Ngọc đã thống nhất được phương án bán tài sản bảo đảm để trả nợ. Sau khi bán tài sản thế chấp, công ty Nh A đã thanh toán hết khoản nợ gốc cho Ngân hàng vào ngày 16/3/2017. Tính đến thời điểm trả hết nợ gốc ngày 16/3/2017, công ty Nh A còn nợ Ngân hàng số tiền là: 504.237.941đồng, trong đó: nợ gốc là: 0 đồng, nợ lãi trong hạn là: 329.294.315 đồng, nợ lãi quá hạn là: 174.943.626 đồng.

Về tài sản thế chấp là nhà và đất tại Tổ 11 phường Th L, quận H M, thành phố Hà Nội: Hiện nay tài sản này đã được chuyển nhượng hết cho người khác trên cơ sở phương án thỏa thuận giữa Ngân hàng, công ty Nh A và bên thế chấp nên Ngân hàng không còn yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp nêu trên trong vụ án này.

Sau ngày 16/3/2017, công ty Nh A có tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng một số lần nữa với tổng số tiền là 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng. Ngân hàng đã đối trừ khoản tiền này cho công ty vào khoản nợ còn lại.

Kể từ thời điểm công ty Nh A thanh toán hết nợ gốc, Ngân hàng tiếp tục tính lãi phát sinh trên số tiền nợ lãi còn lại đối với công ty căn cứ theo các Điều 2, Điều 3,

Điều 7, Điều 8, Điều 12 của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn và Khế ước nhận nợ ngày 19/8/2013.

Đến nay, Ngân hàng TMCP Đ C VN yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện như sau:

- Yêu cầu công ty TNHH Thương mại và đầu tư Nh A phải trả cho Ngân hàng Đ C tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 12/9/2019 là: nợ gốc: 0 đồng, nợ lãi: 516.528.429 đồng và nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kể từ ngày 13/9/2019 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản vay.

- Trong trường hợp công ty TNHH Thương mại và đầu tư Nh A không thanh toán hết khoản nợ trên, đề nghị Tòa án tuyên trong bản án Ngân hàng TMCP Đ C VN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của công ty Nh A để thu hồi nợ.

Bị đơn – Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Nh A do bà Nguyễn Thị Bích Ng đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Nh A thống nhất với lời khai của Ngân hàng TMCP Đ C VN về việc kí kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1208/2013/HĐTD-DN.HN ngày 12/8/2013, Hợp đồng thế chấp và Khế ước nhận nợ để vay số tiền là 900.000.000 đồng.

Tháng 3 năm 2017, sau khi bàn bạc thống nhất phương án giữa các bên, Bên thế chấp là ông Tạ Hồng D và bà Nguyễn Thị Bích Ng đã chủ động chuyển nhượng hết tài sản bảo đảm để giúp công ty thanh toán một phần khoản vay. Ngày 16/3/2017, công ty đã thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc còn lại là: 800.000.000 đồng. Công ty thống nhất với lời trình bày của Ngân hàng là tính đến ngày 16/3/2017, công ty còn nợ Ngân hàng số tiền là: 504.237.941đồng, trong đó: nợ gốc là: 0 đồng, nợ lãi trong hạn là: 329.294.315 đồng, nợ lãi quá hạn là: 174.943.626 đồng. Sau thời gian trên, qua vài lần thanh toán, công ty đã trả tiếp cho Ngân hàng tổng số tiền là 75.000.000 đồng.

Tuy nhiên từ sau thời điểm ngày 16/3/2017, Ngân hàng tiếp tục tính lãi trên số nợ lãi còn lại của công ty là không hợp lý, công ty không đồng ý trả lãi phát sinh đối với khoản tiền nợ lãi này. Công ty Nh A yêu cầu Tòa án không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện này của Ngân hàng, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày tại Tòa án. Số tiền phát sinh sau ngày Bị đơn trả hết nợ gốc 16/3/2017 là số tiền lãi phát sinh trên nợ lãi còn lại căn cứ theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ ký kết giữa các bên. Đến thời điểm xét xử sở thẩm 20/7/2020, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền còn thiếu là: 551.054.169 đồng, trong đó cụ thể: nợ gốc: 0 đồng, tiền lãi trong hạn: 346.759.854 đồng, lãi quá hạn: 204.294.315 đồng và các khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi Bị đơn thanh toán hết khoản nợ. Đồng thời trong trường hợp Công ty Nh A không thanh toán hết khoản nợ trên, đề nghị Tòa án tuyên trong bản án Ngân hàng TMCP Đ C VN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của công ty Nh A để thu hồi nợ.

Bị đơn vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng tính khoản lãi phát sinh trên khoản nợ lãi còn lãi vì Nguyên đơn không giải trình được cụ thể về căn cứ và cách tích khoản phát sinh này, cũng như việc tiếp tục tính lãi là không phù hợp.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thực hiện đúng quy định về thủ tục lấy lời khai, hòa giải, tiến hành công khai chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác. Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ lãi, bao gồm nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 16/3/2017, số tiền lãi trong hạn là: 329.294.315 đồng, lãi quá hạn là: 174.943.626 đồng, được đối trừ khoản tiền 75.000.000 đồng Bị đơn đã trả bổ sung. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phát sinh sau ngày 16/3/2017 tính trên nợ lãi. Không chấp nhận yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án về việc Nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát

mại, kê biên các tài sản hợp pháp khác của công ty Nh A để thu hồi nợ. Về án phí yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[I]. Về tố tụng:

1. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*:

Việc ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn, Khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng TMCP Đ C VN với công ty TNHH thương mại và đầu tư Nh A với mục đích là bổ sung vốn kinh doanh nên xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS năm 2015.

Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, nguyên đơn xuất trình tài liệu thể hiện Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Nh A có trụ sở tại: 189 Th Nh, quận H B Tr, thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng là phù hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[II]. Về nội dung vụ án:

1. *Về hiệu lực của Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ:*

Ngân hàng TMCP Đ C VN (trước đây là Ngân hàng TMCP Ph T) và công ty TNHH thương mại và đầu tư Nh A đã ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1208/2013/HĐTD-DN.HN ngày 12/8/2013 và Khế ước nhận nợ ngày 19/8/2013 để giải ngân số tiền vay 900.000.000 đồng. Việc ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn và Khế ước nhận nợ nêu trên là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Đối với Hợp đồng thế chấp số 1208/2013/HĐTC-DN.HN ngày 12/8/2013: Nguyên đơn và Bị đơn và Bên thế chấp đã thống nhất với nhau về việc xử lý tài sản thế chấp. Trên thực tế hiện nay tài sản bảo đảm đã được Bên thế chấp chuyển nhượng hết cho cá nhân khác để giúp Bị đơn thanh toán một phần khoản nợ. Nguyên đơn cũng không có yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp này trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về yêu cầu khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán khoản nợ còn thiếu:

Trong vụ án này, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán số tiền nợ còn

thiếu tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/7/2020 là: 551.054.169 đồng, trong đó cụ thể: nợ gốc: 0 đồng, tiền lãi trong hạn: 346.759.854 đồng , lãi quá hạn: 204.294.315 đồng, khoản tiền này bao gồm: nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn còn thiếu tính đến ngày 16/3/2017 và số tiền lãi phát sinh trên khoản tiền nợ lãi (hay lãi phạt trên lãi chậm trả) của công ty Nh A. Hội đồng xét xử xem xét các yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn như sau:

* *Đối với số tiền nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 16/3/2017:*

Sau khi ký kết Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng ngắn hạn số, Ngân hàng Đ C đã giải ngân cho công ty Nh A số tiền 900.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do có khó khăn về kinh tế, Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, khoản nợ đã chuyển thành quá hạn. Các bên đã làm việc và thống nhất phương án bán tài sản bảo đảm để Bị đơn thanh toán hết số nợ gốc còn lại là: 800.000.000 đồng thông qua Ủy nhiệm chi ngày 16/3/2017.

Nguyên đơn và Bị đơn thống nhất trình bày tính đến ngày 16/3/2017 (thời điểm Bị đơn thanh toán hết tiền nợ gốc), Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền là: 504.237.941đồng, trong đó: nợ gốc là: 0 đồng, nợ lãi trong hạn là: 329.294.315 đồng, nợ lãi quá hạn là: 174.943.626 đồng.

Xét thấy, việc Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn còn thiếu là đúng với thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn được ký kết trên cơ sở tự nguyện của các bên đồng thời phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên cũng thống nhất với số nợ lãi trong hạn và quá hạn còn thiếu tính đến ngày 16/3/2017 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

* *Đối với số tiền lãi phát sinh trên khoản nợ lãi hay tiền phạt chậm trả lãi vay kể từ ngày 16/3/2017:*

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 01/6/2020, Nguyên đơn trình bày: Căn cứ theo các Điều 2, Điều 3, Điều 7, Điều 8, Điều 12 của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn và Khế ước nhận nợ, sau khi Nguyên đơn trả hết nợ gốc ngày 16/3/2017, số nợ lãi còn lại Ngân hàng đã tiếp tục tính lãi phát sinh. Tại bản tự khai ngày 17/7/2020, Nguyên đơn trình bày số tiền yêu cầu Nguyên đơn thanh toán bao gồm: lãi trên gốc trong hạn, lãi trên gốc quá hạn và lãi phạt trên lãi chậm trả; tức là khoản tiền phát sinh sau ngày 16/3/2017 là lãi phạt trên lãi chậm trả và được tính theo Thông tư số 39/2016/TT-

NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước. Tại phiên tòa, Nguyên đơn lại trình bày số tiền phát sinh sau ngày 16/3/2017 là tiền lãi phát sinh trên nợ trong hạn và quá hạn còn lại của Bị đơn, thực tế: nợ lãi trong hạn và quá hạn Nguyên đơn yêu cầu thanh toán đều tăng lên sau thời điểm Bị đơn trả hết nợ gốc.

Ngày 23/6/2020, Tòa đã ban hành Thông báo số 277/TB-TA yêu cầu Nguyên đơn phải giải thích rõ yêu cầu khởi kiện liên quan đến: "*Căn cứ pháp luật, phương pháp tính, công thức tính để xác định số tiền nợ lãi phát sinh của ông Dương bà Ngọc sau ngày 16/3/2017"*. Tuy nhiên hết thời hạn yêu cầu cũng như tại các buổi làm việc và tại phiên tòa, Nguyên đơn không trình bày rõ được nội dung trên, ngoài ra các lời khai liên quan đến vấn đề này có sự khác nhau, không thống nhất nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét đối với nội dung khởi kiện này.

Mặt khác, đối với các căn cứ Nguyên đơn nêu để áp dụng tính lãi phát sinh, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực thi hành ngày 15/3/2017. Điều 34 Thông tư 39 quy định: *"Đối với các hợp đồng tín dụng được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành: 1. Tổ chức tín dụng và khách hàng tiếp tục thực hiện các nội dung trong hợp đồng tín dụng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm ký kết hợp đồng đó"*. Tức là Thông tư này không áp dụng đối với Hợp đồng tín dụng ký ngày 12/8/2013 trong vụ án này. Việc Ngân hàng tính lãi phát sinh sau ngày 16/3/2017 căn cứ theo Thông tư này là không đúng quy định.

Đối với Hợp đồng tín dụng có quy định tại Điều 12 về phạt chậm trả lãi vay, theo đó: *"Khi đến ngày trả lãi theo các kỳ hạn đã thỏa thuận, nếu Bên vay không trả lãi đúng hạn và không được Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì toàn bộ số dự nợ gốc của khoản vay đó bị chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất vay trong hạn quy định trong Hợp đồng này. Bên vay phải chịu phạt chậm trả lãi vay tính trên số tiền lãi vay chậm trả và số ngày chậm trả với lãi suất phạt theo công thức sau:*

Số tiền phạt = (Số tiền lãi chậm trả x Lãi suất phạt (150% lãi suất vay trong hạn) x số ngày chậm trả) : 30

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005, Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019

của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì: ***"Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01/7/2017 được xác định như sau: Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả"***. Do vậy đối với hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01/7/2017, ngoài lãi trong hạn và lãi quá hạn tính trên nợ gốc còn thiếu, pháp luật không cho phép các tổ chức tín dụng được tính lãi phát sinh trên nợ lãi hay tiền phạt chậm trả lãi vay đối với khách hàng. Do đó, trong vụ án này, từ thời điểm Bị đơn thanh toán hết nợ gốc (ngày 16/3/2017), khoản tiền lãi quá hạn và trong hạn còn lại sẽ không phát sinh và không phải chịu lãi, chịu phạt. Do đó, quy định nêu tại Điều 12 của Hợp đồng tín dụng là trái với quy định của pháp luật.

Khoản tiền phát sinh sau ngày 16/3/2017, Ngân hàng xác định là lãi trên nợ lãi còn thiếu hay tiền lãi phạt trên lãi chậm trả đều không đúng quy định của pháp luật. Vì lẽ đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc Bị đơn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền phát sinh nêu trên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

** Về việc đối trừ khoản tiền đã thanh toán cho Bị đơn:*

Theo hồ sơ vụ án, trong các ngày 11/5/2018, 28/02/2019, Bị đơn đã tiếp tục thanh toán cho Nguyên đơn số tiền tổng cộng là 75.000.000 đồng thông qua các "Giấy nộp tiền mặt" tương ứng với các ngày nêu trên. Ngân hàng cũng đã xác nhận nội dung này nên cần đối trừ khoản tiền này cho Bị đơn vào khoản tiền nợ lãi còn thiếu.

Do vậy, số tiền thực tế công ty Nh A còn chưa thanh toán cho Ngân hàng là: 504.237.941 – 75.000.000 = 429.237.941(bốn trăm hai mươi chín triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi mốt) đồng. Đây là số tiền mà Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ lãi còn thiếu Ngân hàng yêu cầu tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/7/2020 là: 551.054.169 – 429.237.941 = 121.816.228 (một trăm hai mươi mốt triệu tám trăm mười sáu nghìn hai trăm hai mươi tám) đồng. Đây là số tiền mà Hội đồng xét xử không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

4. *Về yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án trường hợp Công ty TNHH thương mại và đầu tư Nh A không thanh toán hết khoản nợ, Ngân hàng TMCP Đ C VN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của công ty TNHH Nh A để thu hồi nợ:*

Các đương sự thống nhất trình bày, tài sản thế chấp cho khoản vay đã được các bên thống nhất phương án xử lý trước thời điểm khởi kiện vụ án, ngoài ra không có tài sản thế chấp nào khác. Do vậy, đến thời điểm xét xử sơ thẩm, khoản vay của Công ty Nh A tại Ngân hàng TMCP Đ C VN là khoản vay không có bảo đảm.

"Các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của công ty Nh A" theo như Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án về việc kê biên, phát mại không phải là tài sản bảo đảm trong vụ án nên yêu cầu này không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án xác định nghĩa vụ của công ty Nh A đối với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền gửi đơn yêu cầu thi hành án đến cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

[III]. <u>Về án phí và quyền kháng cáo</u>:

Ngân hàng TMCP Đ C VN phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện không được Hội đồng xét xử chấp nhận, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Công ty TNHH thương mại và đầu tư Nh A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 71; Điều 74; khoản 1 Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 290; khoản 1 Điều 357; Điều 405; Điều 471; Điều 474; Điều 476; khoản 2 Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005;Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ C VN đối với công ty TNHH thương mại và đầu tư Nh A.

2. Buộc công ty TNHH thương mại và đầu tư Nh A phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ C VN số tiền còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1208/2013/HĐTD-DN.HN ngày 12/8/2013, cụ thể: nợ gốc: 0 đồng, nợ lãi: 429.237.941(bốn trăm hai mươi chín triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi mốt) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ C VN đối với số tiền lãi phát sinh trên nợ lãi hay tiền lãi phạt trên lãi chậm trả sau ngày 16/3/2017, số tiền là: 121.816.228 (một trăm hai mươi mốt triệu tám trăm mười sáu nghìn hai trăm hai mươi tám) đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên trong bản án trường hợp Công ty TNHH thương mại và đầu tư Nh A không thanh toán hết khoản nợ, Ngân hàng TMCP Đ C VN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của công ty Nh A để thu hồi nợ.

5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP Đ C VN phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 6.090.811 (sáu triệu không trăm chín mươi nghìn tám trăm mười một) đồng; được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003501 ngày 07/5/2020

tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội là: 12.330.570 đồng; Ngân hàng TMCP Đ C được trả lại số tiền: 6.239.759 (sáu triệu hai trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi chín) đồng.

Công ty TNHH thương mại và đầu tư Nh A phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 21.169.518 (hai mươi mốt triệu một trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm mười tám) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ C VN, đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH thương mại và đầu tư Nh A.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Q.Hai Bà Trưng;*
- *TAND TP.Hà Nội;*
- *VKSND TP.Hà Nội;*
- *Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;*
- *Lưu HS,VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hoàng Nam